

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm phả

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm phả được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 04 năm 2016;
 - Căn cứ Nghị quyết 649/2017/NQ-ĐHCD ngày 12 tháng 4 năm 2017 của đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2017;
 - Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát công ty ban hành kèm theo Quyết định số 232/QĐ-VEE-BKS ngày 02 tháng 08 năm 2016;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 do công ty lập và báo cáo Kiểm toán số 76/2018/BCTC-BDO ngày 27 tháng 03 năm 2018 của Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện;
 - Căn cứ các chế độ chính sách quản lý hiện hành của Nhà nước và các Quy chế Quản lý ban hành trong nội bộ công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm phả;
- Ban Kiểm soát Công ty báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2018 như sau:

PHẦN I CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Ban Kiểm soát công ty đã triển khai chương trình, kế hoạch công tác của ban; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

1.2 Giám sát các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị; hoạt động điều hành của Ban giám đốc thông qua họp Hội đồng quản trị, họp công tác điều hành và các báo cáo quản trị nội bộ.

1.3 Tổ chức hoạt động kiểm soát 6 tháng, 9 tháng và năm 2017, cụ thể:

- Kiểm soát tiến độ thực hiện công tác đầu tư theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Kiểm soát việc huy động vốn từ các nguồn cho sản xuất kinh doanh, tài trợ cho các dự án đầu tư.
- Kiểm soát việc phân phối tiền lương và các khoản thu nhập khác cho người lao động
- Kiểm soát việc chấp hành các qui chế, qui định, các nghị quyết của HĐQT ban hành.

1.4 Tổ chức họp với Ban Điều hành để thông qua kết luận cảnh báo sớm một số vấn đề còn tồn tại cần khắc phục.

1.5 Cùng với công ty kiểm toán thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 do công ty lập; Thẩm định biên bản kiểm toán, thư quản lý của công ty Kiểm toán BDO về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của công ty.

PHẦN II

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

2.1 Kết quả giám sát hoạt động điều hành của HĐQT:

HĐQT đã giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo mục tiêu chiến lược phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền. Năm 2017 Hội đồng quản trị đã ban hành 15 nghị quyết, 9 quyết định, 3 biên bản trong đó có các nghị quyết quan trọng như là:

- Nghị quyết về tiến độ chào bán cổ phiếu và thực hiện các dự án đầu tư năm 2017;
- Nghị quyết phê duyệt dự án khu xưởng chế tạo thiết bị điện tại phường Cẩm thạch, thành phố Cẩm phả Quảng ninh để sản xuất máy biến áp truyền tải 110kv mục tiêu đạt được 100 chiếc/năm và 20 máy biến áp truyền tải 220kv/năm;
- Nghị quyết về Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kế hoạch đấu thầu dự án: mua sắm thiết bị phân tích đáp ứng tần số quyết;

Các quyết định quan trọng của HĐQT như là:

- Quyết định về phê duyệt phương án kỹ thuật, dự toán, kế hoạch đấu thầu công trình tháo dỡ, xây dựng nhà xưởng chế tạo máy biến áp phân phối;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm thiết bị lọc dầu máy biến áp thuộc dự án mua sắm thiết bị máy biến áp;
- Quyết định phê duyệt sửa đổi tăng vốn điều lệ mới của công ty từ ngày 12 tháng 10 năm 2017 là 101.858.200.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giám sát hoạt động điều hành, Hội đồng quản trị chưa chỉ đạo đánh giá việc chấp hành thực hiện các quy chế đã ban hành trong công ty; công tác quản lý theo dõi, phát hành Nghị quyết, quyết định trong công ty chưa thống nhất tập trung, còn rời rạc.

2.2 Kết quả giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc

Ban giám đốc đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều hành theo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong từng lĩnh vực, cụ thể:

- Trong năm đã cố gắng tích cực điều hành tiến độ sản xuất, đạt giá trị doanh số là 390.301tr,đ/KH456.609tr.đ .

- Công tác an toàn về người được đảm bảo không xảy ra vụ việc nào.
- Công tác kỹ thuật – Quản lý chất lượng: áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015, thực hiện tốt các dịch vụ sau bán hàng, chủ động ghi nhận các hạn chế trong quá trình cung cấp sản phẩm đề xuất bổ sung thiết kế cho phù hợp. Ngoài ra để tăng cường quản lý nội bộ Giám đốc công ty đã ban hành quy chế thưởng phạt trong chấp hành nội qui, quy trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm trong công ty; quyết định thành lập đội lắp đặt và giao khoán chi phí và các quyết định quản lý khác để tăng cường trách nhiệm và quản trị chi phí.

- Công tác thị trường đã tích cực bám sát để tham gia đấu thầu, chào giá cạnh tranh cung cấp các thiết bị điện là sản phẩm chính của công ty như máy biến áp phân phối 110kv. Đối với sản phẩm khác của công ty như tủ bảng điện, aptomat, khởi động từ vv... năm 2017 công ty cũng đã cố gắng duy trì tìm kiếm thị trường trong ngoài TKV để cung cấp sản phẩm.

Tuy vậy, năm 2017 Ban Giám đốc còn hạn chế trong quản trị điều hành. Kết quả một số chỉ tiêu chính như doanh thu, thu nhập bình quân/người đều không hoàn thành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, chưa đảm bảo đủ việc làm cho người lao động số công phải nghỉ chờ việc

trong năm còn cao (theo thống kê từ công ty số công phải nghỉ chờ việc là 12.244 công/năm) Ban Giám đốc chưa có báo cáo phân tích đánh giá thực trạng để có chính sách hỗ trợ người lao động phù hợp. Ngoài ra trong quá trình sản xuất còn để xảy ra các lỗi nghiêm trọng, khiếu nại của khách hàng công ty cũng chưa có báo cáo đánh giá các giá trị thiệt hại về kinh tế, nguyên nhân chủ quan, khách quan để thấy mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.3 Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 theo NQĐHĐCĐ:

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KH N2017 | TH N2017 | TH/KH(%) |
|----------|--------------------------------|-------------|--------------|------------|-------------|
| I | Các chỉ tiêu chủ yếu | | | | |
| 1 | Sửa chữa thiết bị | | | | |
| | Sửa chữa động cơ các loại | Cái | 403 | 176 | 43,6 |
| | SC biến thế dầu, khô | Cái | 14 | 17 | 121,4 |
| | SC biến thế phòng nổ | Cái | 10 | - | - |
| 2 | Chế tạo thiết bị | | | | |
| | Biến thế các loại < 110kv | Cái | 12 | 19 | 158,3 |
| | Biến thế dầu điện áp 110kv | Cái | 36 | 26 | 72,2 |
| | Trạm biến áp di động P. nổ | Trạm | 12 | 5 | 41,6 |
| | Trạm trộn bộ kiểu kios | Cái | 06 | 1 | 16,6 |
| | Áp to mát phòng nổ | Cái | 110 | 10 | 9,0 |
| | Khởi động từ phòng nổ | Cái | 160 | 6 | 3,7 |
| | BT chiếu sáng phòng nổ | Cái | 20 | 13 | 65 |
| | BT khoan phòng nổ | Cái | 20 | 10 | 50 |
| | Máy hàn kiểu kín, hờ | Cái | 10 | 8 | 8,0 |
| | Tủ cao hạ áp, đo đếm điện năng | Cái | 10 | 1 | 1,0 |
| | Tủ biến tần phòng nổ | Cái | 12 | 2 | 16,6 |
| | Tủ khởi động mềm p. nổ | Cái | 08 | - | - |
| | Cầu dao, cầu chì các loại | Bộ | 10 | - | - |
| | Quạt gió lò phòng nổ | Cái | 40 | - | - |
| 3 | Chế tạo phụ tùng | | | | |
| | Chổi than điện | Viên | 1.000 | 10.874 | 1087 |
| | Joong, đệm múp nổi các loại | Cái | 400.000 | 1.727 | 432 |
| | Cao su vá cáp | Kg | 2.700 | 1.164 | 43,1 |
| 4 | Xây lắp công trình điện | Tr.đ | 1.500 | 354 | 23,6 |
| 5 | TN hiệu chỉnh | Tr.đ | 2.500 | 820 | 32,8 |

| | | | | | |
|-----|-------------------------------|------|----------------|----------------|-------|
| II | Doanh thu | Tr.đ | 456.609 | 390.295 | 85,4 |
| 1 | Doanh thu trong TKV | Tr.đ | 33.500 | 13.530 | 40,3 |
| 2 | Doanh thu bán ngoài | Tr.đ | 423.109 | 376.567 | 89,0 |
| III | Lợi nhuận | Tr.đ | 9.700 | 11.639 | 118,9 |
| IV | Lao động và tiền lương | | | | |
| | -LDBQ trong danh sách | Tr.đ | 379 | 327 | 86,2 |
| | -Tổng Quỹ lương | Tr.đ | 37.360 | 25.163 | 67,3 |
| | -Thu nhập TL BQ ng/tháng | Tr.đ | 8.214 | 6.413 | 78,1 |
| V | Chi cổ tức | Tr.đ | Từ 7% | 7% | 100 |
| VI | Nộp Ngân sách | Tr.đ | | | |
| | -Phải nộp | | - | 15.614 | 99,8 |
| | -Đã nộp | | - | 15.580 | |

Đánh giá tình hình thực hiện KHSXKD so với kế hoạch và so với thực hiện năm trước:

1. Về sản lượng: Nhìn chung kế hoạch sản lượng sản phẩm của công ty đều không hoàn thành; sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong kế hoạch doanh thu là máy biến áp phân phối 110 kv đạt 26/36 cái =72,2% KH năm.

2. Về doanh thu: Tổng giá trị doanh thu đạt 390.295 tr.đ = 85,4% KH; so với thực hiện năm trước vượt 5%. Trong đó giá trị tiêu thụ trong thị trường Than đạt 13.530 tr.đ = 40,3% KH; tiêu thụ ngoài Than đạt 376.567 tr.đ = 89% KH.

3. Về lao động và tiền lương: số lao động bình quân năm là 327 người đạt = 86,2% KH nguyên nhân do cơ cấu lại lao động. Quỹ lương giảm =67,3% KH nguyên nhân chính do doanh thu giảm; số lượng lao động giảm; không trích quỹ dự phòng tiền lương.

4. Về lợi nhuận: đạt 11.639 tr.đ tăng so kế hoạch 1.939 tr.đ, tương ứng vượt 19,9% do trong năm công ty đã áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí giảm giá thành; ngoài ra năm nay trích giảm chi phí tiền lương vì được dùng nguồn dự phòng đã trích năm trước chuyển sang.

5. Chia cổ tức: đạt 7% năm= 100% kế hoạch.

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: trong năm công ty nộp ngân sách Nhà nước 15.580 tr.đ đạt gần 100%.

PHẦN III

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2017

3.1. Báo cáo tài chính tóm tắt thời điểm 31/12/2017(đã được kiểm toán)

Đvt: Triệu đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ | CL | Tỷ lệ % |
|----|------------------------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|---------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1-2 | 4=3/2 |
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 198.686 | 232.743 | (34.057) | (14,6) |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 66.461 | 2.720 | 63.741 | 2343, |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | - | - | | |

| | | | | | | |
|-----------|--|------------|----------------|----------------|------------------|---------------|
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 67.278 | 121.126 | (53.848) | (44,4) |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 63.850 | 107.172 | (43.322) | (40,4) |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1.097 | 1.725 | (628) | (36,4) |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 19.069 | 23.607 | (4.538) | (19,2) |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | | |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 18.213 | 19.006 | (793) | (4,2) |
| | -TSCĐ Hưu hình | 221 | 18.213 | 19.006 | (793) | |
| | - TSCĐ thuê tài chính | 224 | - | - | | |
| | - TSCĐ vô hình | 227 | - | - | | |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | - | - | | |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 856 | 1.069 | (213) | (19,9) |
| 5 | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | - | - | | |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 260 | - | 3.532 | (3.532) | |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100+200) | 270 | 217.755 | 256.350 | (38.595) | (15,1) |
| C | Nợ phải trả | 300 | 90.996 | 191.913 | (100.917) | (52,6) |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 | 60.283 | 166.016 | (105.733) | (63,6) |
| 1 | Phải trả người bán | 311 | 39.307 | 82.479 | (43.172) | (52,3) |
| 2 | Phải trả người lao động | 314 | 3.356 | 13.846 | (10.490) | (75,7) |
| 3 | Vay ngắn hạn ngân hàng | 320 | - | 45.424 | - | - |
| 4 | Phải trả khác | | 17.620 | 24.267 | (6.647) | (27,4) |
| II | Nợ dài hạn | 330 | 30.713 | 25.897 | 4.816 | 18,5 |
| D | Nguồn vốn chủ sở hữu | 400 | 126.759 | 64.437 | 62.322 | 96,7 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 120.258 | 64.820 | 55.438 | 85,5 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411a | 101.858 | 50.929 | 50.929 | 100 |
| | -CPPT có quyền biểu quyết | 411a | 101.858 | 50.929 | 50.929 | 100 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 10.095 | 10.095 | 0 | |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 3.796 | 3.796 | 0 | |
| 4 | LN chưa phân phối kỳ này | 421 | 4.509 | - | 4.509 | - |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 6.501 | (383) | 6.884 | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | 217.755 | 256.350 | (38.595) | (15,1) |

Phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán ta có:

1. Tổng tài sản của công ty giảm so với số đầu năm là 38.595 tr.đ, tương đương giảm 15,1%, do cả tài sản ngắn hạn và dài hạn cùng giảm.

1.1 Tài sản ngắn hạn giảm tuyệt đối thời điểm 31/12 là 34.057 tr.đ tương ứng giảm 14,6% so với đầu năm. Trong đó chủ yếu ở hai chỉ tiêu chính :

- Nợ phải thu khách hàng trong tháng 12/2017 công ty đã tích cực thu hồi công nợ làm giảm nợ phải thu xuống còn 46.096 tr.đ, tuy nhiên đây chỉ là số dư thấp thời điểm 31 tháng 12. Năm 2017 số dư bình quân thực tế nợ phải thu vẫn ở mức cao là 117 tỷ.đ/tháng, công ty cần xây dựng quy chế quản lý nợ phải thu, định mức được dư nợ bình quân năm để là chỉ tiêu đánh giá so sánh làm giảm được số dư nợ bình quân xuống sẽ góp phần tăng nhanh vòng quay vốn cũng như tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Hàng tồn kho giảm số tuyệt đối là 43.322 tr.đ tương ứng giảm 40,4% so với số đầu năm, chủ yếu là chi phí sản phẩm dở dang giảm 41 tỷ; thành phẩm tồn kho cũng giảm tuyệt đối so với đầu

năm 14,8 tr.đ do sản phẩm hoàn thành bàn giao đúng tiến độ xuất bán cho khách hàng vào cuối năm.

Như vậy việc giảm tài sản chủ yếu là ngắn hạn ở trên như hàng tồn kho, nợ phải thu là các chỉ tiêu tích cực làm tăng vòng quay vốn.

2. Phân tích về nguồn vốn:

2.1 Nợ phải trả giảm tuyệt đối so với đầu năm là 100.917 trđ tương ứng giảm 52,6% do:

-Nợ ngắn hạn giảm 105.733tr.đ tương ứng giảm 63,6%, trong đó chủ yếu giảm 3 chỉ tiêu chính: giảm nợ phải trả khách hàng là 43.172 tr.đ, giảm dư vay ngắn hạn các ngân hàng là 45.424 tr.đ. Nguồn tài trợ để giảm các chỉ tiêu trên là từ phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ và từ nguồn thu hồi công nợ phải thu trong tháng 11, tháng 12 của năm; dư phải trả người lao động giảm 10.490 tr.đ chủ yếu do năm nay không trích quỹ dự phòng tiền lương để năm sau mà quyết toán quỹ lương theo số thực tế phát sinh của năm.

- Nợ dài hạn tăng so với đầu năm là 18,5% do chi phí trích dự phòng bảo hành sản phẩm tăng 10,693 tr.đ và trả nợ hết trước hạn dư vay dài hạn là 7,1 tỷ đ.

2.2 Vốn chủ sở hữu tăng tuyệt đối so với đầu năm là 55.438 tr.đ tương ứng 85,5% là từ:

- Trong năm phát hành cổ phiếu để huy động vốn đầu tư theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông, tăng thêm 50.929 tr.đ;

- Lợi nhuận kỳ này chưa phân phối dư 4.500 tr.đ

- Nguồn kinh phí tạm cấp cho dự án khoa học nghiên cứu đầu tư nâng cấp làm chủ dây chuyền công nghệ đến thời điểm 31/12 chưa quyết toán là 6.884tr.đ.

3.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2017 -2018:

Triệu đồng

| STT | TÊN DỰ ÁN | Theo NQ ĐHCĐ | Thực hiện Năm 2017 | Chú thích |
|------------|---|----------------|--------------------|--|
| I. | CT chuyển tiếp 2016-2017 | 1.960 | 1.858 | |
| | Nâng cấp,mr nhà 3t | 1.960 | 1.858 | Xong |
| II. | Theo NQĐH đầu tư 2017-2018 | 292.000 | 855,8 | |
| 1. | XD nhà xưởng 6.060m2 | 60.000 | 668 | Tr.đó cp Tư vấn qui hoạch 450tr.đ;khảo sát thiết kế 218 tr.đ |
| 2. | Mua sắm, lắp đặt cầu trục (7 cái-5 loại). | 30.000 | - | |
| 3. | Mua xe đệm khí v/c | 3.500 | - | |
| 4. | Máy q.dây trục đứng 20-25t, 2cái | 9.000 | - | |
| 5. | Máy q.dây trục ngang 10-25t, 5cái | 8.000 | - | |
| 6. | Máy lọc dầu 6000l/h | 5.000 | - | |
| 7. | Máy hút chân k 1cái | 2.000 | - | |
| 8. | Mua lò sấy 2 cái | 15.000 | - | |

| | | | | |
|-------------|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 9. | Mua hệ thống TB thí nghiệm | 70.000 | - | |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xử lý K.khí | 15.000 | - | |
| 11. | Lắp đặt hệ thống khí nén và nc | 10.000 | - | |
| 12. | Mua dây chuyên cắt tôn | 40.000 | 187,8 | chi phí mở L/C |
| 13. | Mua c.giao.c.nghe chế tạo b.áp 220kv | 24.500 | - | |
| III. | Hạng mục đầu tư phát sinh | 1.042 | 1.042 | |
| 1. | Máy hàn MAG | 230 | 230 | xong |
| 2. | Xe ô tô 16 chỗ | 812 | 812 | xong |
| | Tổng cộng | 295.002 | 3.755,8 | |

Nhận xét:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2017 đạt rất thấp so với Nghị quyết ĐHCĐ là 3.755,8 tr.đ tương đương 1,3%. Năm 2018 công ty cần xem xét điều chỉnh lập kế hoạch đầu tư cả về thời gian thực hiện dự án, tiến độ hoàn thành cụ thể cho từng năm và phải có báo cáo theo dõi việc sử dụng vốn cho từng dự án để tăng cường quản lý công tác đầu tư bám sát hơn nghị quyết đã đề ra.

3.3.Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính thời điểm 31/12/2017

| TT | CHỈ TIÊU | Năm trước | Năm nay | Số tuyệt đối | Tỷ lệ % |
|----|-----------------------------------|-----------|---------|--------------|---------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=3/1 |
| 1 | Hệ số bảo toàn vốn | 1,91 | 1,86 | (0,05) | (2,6) |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | 0,8 | 1,15 | 0,35 | 43,8 |
| 3 | Hệ số Nợ phải trả/vốn CSH | 3,39 | 1,53 | (1,86) | (54,8) |
| 4 | Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản | | | | |
| | -Tỷ lệ đầu tư vào TS ngắn hạn | 0,908 | 0,912 | 0,004 | 0,44 |
| | -Tỷ lệ đầu tư vào TS dài hạn | 0,092 | 0,088 | (0,004) | 4,3) |
| 5 | Hệ số về khả năng sinh lời | | | | |
| | -Tỷ suất sinh lời của TS (ROA) | 0,024 | 0,053 | 0,029 | 121 |
| | -Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE) | 0,108 | 0,12 | 0,012 | 11 |
| 6 | Vòng quay vốn lưu động | 1,91 | 1,81 | (0,1) | 5,2 |

Đánh giá các chỉ tiêu so với thực hiện năm trước:

Chỉ tiêu 1: Hệ số bảo toàn vốn > 1 cụ thể năm nay đạt = 1,86 là bảo toàn tốt, chủ yếu là do phát hành tăng vốn chủ và phân phối lợi nhuận của năm vào các quỹ thuộc vốn chủ. Năm 2017 công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo chế độ qui định đối với những tài sản tiềm ẩn rủi ro như: dự phòng công nợ khó đòi, chậm thanh toán; dự phòng giảm giá hàng tồn kho; dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn.

Chỉ tiêu 2: hệ số thanh toán nhanh năm 2017 cao hơn năm trước thể hiện khả năng thanh toán chủ động hơn do dư tiền mặt và hàng tồn kho giảm mạnh vào cuối năm như phân tích ở trên.

Chỉ tiêu 3: hệ số nợ phải trả/vốn CSH là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá độ an toàn trong sử dụng vốn, năm nay công ty đạt 1,53 lần tương ứng giảm 54,8% so năm trước là tốt, chủ yếu là do tăng vốn chủ phát hành trong năm để tài trợ cho các dự án đầu tư, Công ty cần tranh thủ chính sách được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho những năm tới giảm chi phí, tăng lợi nhuận để tái đầu tư cho sản xuất.

Chỉ tiêu 4: Phản ánh cơ cấu tài sản chiếm trong tổng tài sản, ta có 91,2% vốn đầu tư vào tài sản ngắn hạn, chỉ có 8,8% đầu tư vào tài sản dài hạn, cho thấy việc đầu tư vào TSCĐ còn chậm,

công ty cần tăng cường tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch để đáp ứng với qui mô sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng những năm tới.

Chỉ tiêu 5: - Khả năng sinh lời trên tổng tài sản đạt 0,053 lần tăng so năm trước, do năm nay lợi nhuận tăng cao, được miễn thuế TNDN và tổng tài sản bình quân lại giảm.

- Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu năm nay giảm so với năm trước do lợi nhuận năm nay tuy tăng nhưng vốn chủ cũng tăng tương ứng.

Chỉ tiêu 6: Năm 2017 vòng quay vốn đạt 1,81v giảm so với năm trước 5,2%, là do doanh thu năm nay tuy tăng so với năm trước 5% nhưng sử dụng tài sản ngắn hạn bình quân năm nay lại cao hơn năm trước. Do vậy công ty cần có giải pháp như là tăng doanh thu, giảm dư nợ bình quân các tài sản ngắn hạn là dư nợ phải thu, dư nợ hàng tồn kho nhằm tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho công ty.

PHẦN IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2017 đã đạt được các chỉ tiêu quan trọng về an toàn sản xuất, về bảo toàn vốn, về lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Tuy vậy, còn một số chỉ tiêu chính như doanh thu, thu nhập bình quân, đầu tư xây dựng chưa đạt theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra.

Báo cáo tài chính năm của công ty do Công ty kiểm toán BDO đã phản ánh trung thực tình hình tài chính vào ngày 31/12/2017; theo đánh giá của Ban Kiểm soát từ số liệu đạt được đã phân tích ở trên thì tình hình tài chính của công ty là an toàn về tài chính.

Để tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới, công ty cần xây dựng hệ thống quản trị nội bộ phù hợp; đặc biệt quan tâm đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2018-2019./.

Nơi nhận:

- BC ĐHCĐ công ty
- HQQT công ty
- Các cổ đông
- Lưu BKS, TCLĐ

T.M BAN KIỂM SOÁT



ĐOÀN THỊ HÀNG